TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO L
TỈNH LÂM ĐỒNG
Bản án số: 19/2024/DS- ST
Ngày: 05-4-2024.
V/v "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: bà **Vũ Thị Thúy Thành**
Các Hội thẩm nhân dân: ông **Phạm Đức Minh**
bà **Nguyễn Thị Tài**

- ***Thư ký phiên tòa***: ông **Trương Quang Vũ**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L tham gia phiên toà***: bà **Lâm Thị Hồng** – Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 05 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 191/2023/TLST- DS ngày 19 tháng 10 năm 2023 về "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2024/QĐST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông **Thịnh Văn A**, sinh năm 1968. Địa chỉ cư trú: thôn 02, xã Tân Lạc, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: bà **Thịnh Thị Lan B**, sinh năm 1993. Địa chỉ cư trú: thôn 02, xã Tân Lạc, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà **Trần Thị H**, sinh năm 1969. Địa chỉ cư trú: thôn 02, xã Tân Lạc, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng

(ông A, bà H có mặt, bà B vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16-10-2023 cùng những lời trình bày của nguyên đơn thể hiện: Do là người thân trong gia đình nên ngày 30/12/2021 vợ chồng ông Thịnh Văn A và bà Trần Thị H có cho bà Thịnh Thị Lan B vay số tiền 1.000.000.000 đồng, hai bên có viết giấy vay với nhau, chữ viết trên giấy vay và ký vào bên người mượn tiền là của bà B, năm vay là năm 2021 nhưng do bà B ghi thiếu số 2 nên trên giấy ghi 30/12/201. Khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay kể từ ngày vay đến ngày 30/12/2022. Đến hạn, ông A có đòi tiền nhiều lần nhưng bà B không trả cả gốc và lãi. Nên ông A khởi kiện yêu cầu bà B phải trả cho ông A, bà H

số tiền vay gốc là 1.000.000.000 đồng và lãi suất 20%/năm từ ngày vay 30/12/2021 đến 16/10/2023, cụ thể 1.000.000.000 đồng x 20%/năm x 2 năm 10 tháng = 600.000.000đồng.

Tổng cả gốc và lãi là 1.600.000.000 đồng

Ý kiến bà B: bà B thừa nhận chữ viết và chữ ký trên giấy vay nợ ngày 30/12/2021 mà ông A khởi kiện bà là chữ ký và chữ viết của bà, tuy nhiên bà chỉ vay ông A, bà H số tiền khoảng 500.000.000 đồng đến 600.000.000 đồng chứ không phải 1.000.000.000 đồng, nội dung trên giấy vay nợ do ông A đọc cho bà viết, do chủ quan là chú cháu ruột trong nhà nên bà không để ý, về lãi suất, mặc dù trên giấy có ghi lãi suất thỏa thuận 20%/năm nhưng chú cháu có nói ngoài với nhau là ông A không lấy lãi. Vì có sự cố trong công việc nên mặc dù ông A bà H có đòi nhiều lần nhưng bà B chưa trả tiền cho ông A cả gốc và lãi. Nay ông A khởi kiện bà phải trả cho vợ chồng ông A số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng và lãi suất 20%/năm từ ngày vay 30/12/2021 đến 16/10/2023, cụ thể 1.000.000.000 đồng x 20%/năm x 2 năm 10 tháng = 600.000.000đồng. Tổng cả gốc và lãi là 1.600.000.000 đồng thì bà B chỉ đồng ý trả 500.000.000 đồng đến 600.000.000 đồng và không trả lãi.

Ý kiến bà H: Bà H thống nhất với ý kiến của ông A. Yêu cầu bà B phải trả cho ông A, bà H số tiền vay gốc là 1.000.000.000 đồng và lãi suất 20%/năm từ ngày vay 30/12/2021 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Tòa án đã tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng hòa giải không được.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024 ông A thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất, yêu cầu bà B phải trả cho ông A, bà H số tiền vay gốc là 1.000.000.000 đồng và lãi suất 20%/năm tương đương với 1,67%/tháng từ ngày vay 30/12/2021 đến 15/3/2024, cụ thể 1.000.000.000 đồng x 1,67%/tháng x 26 tháng 15 ngày = 442.550.000 đồng. Bà H cũng thống nhất với yêu cầu của ông A như trên.

Tại phiên tòa ông A thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất, yêu cầu bà B phải trả cho ông A, bà H số tiền vay gốc là 1.000.000.000 đồng, ông A không yêu cầu tính lãi.

Bà H thống nhất với yêu cầu của ông A yêu cầu bà B phải trả cho ông A, bà H số tiền vay gốc là 1.000.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Sau khi Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thịnh Văn A về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* với bà Thịnh Thị Lan B.

Buộc bà Thịnh Thị Lan B có trách nhiệm trả cho ông Thịnh Văn A và bà Trần Thị H số tiền vay gốc là 1.000.000.000 đồng và không phải trả lãi.

Về án phí : Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: ông A, bà H có mặt, bà B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền*: nguyên đơn ông Thịnh Văn A khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn bà Thịnh Thị Lan B phải trả số tiền vay là 1.000.000.000 đồng nên xác định quan hệ *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"* và thuộc thẩm quyền của Tòa án giải quyết theo quy định khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Thịnh Văn A, đối chiếu tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình và lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thấy rằng: Theo giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án được đánh số bút lục 21 thể hiện ngày 30/12/2021 bà Thịnh Thị Lan B có vay của ông Thịnh Văn A số tiền 1.000.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, thời hạn trả nợ đến ngày 30/12/2022, ký và ghi họ tên người mượn Thịnh Thị Lan B.

Nên ông Thịnh Văn A khởi kiện là có căn cứ và đúng pháp luật vì ông A xuất trình được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là giấy vay tiền, có chữ ký bên vay của bà Thịnh Thị Lan B, mặt khác bà Thịnh Thị Lan B cũng thừa nhận chữ ký và chữ viết trên giấy vay tiền ngày 30/12/2021 là chữ viết và chữ ký của bà, mặc dù bà B chỉ thừa nhận có vay ông A, bà H số tiền 500.000.000 đồng đến 600.000.000 đồng nhưng không cung cấp được chứng cứ nào cho Tòa án và vợ chồng ông A cũng không thừa nhận việc này. Do vậy áp dụng các Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự, cần buộc bà Thịnh Thị Lan B có trách nhiệm trả cho ông Thịnh Văn A và bà Trần Thị H số tiền vay nợ gốc là 1.000.000.000 đồng.

[4] Về lãi suất: Tại phiên tòa ông A không yêu cầu nên HĐXX không xem xét

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do bà B phải trả cho ông A, bà H 1.000.000.000 đồng tiền vay nên bà B phải nộp 42.000.000 đồng án phí DSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 207; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

1/ **Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thịnh Văn A về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* với bà Thịnh Thị Lan B.

Buộc bà Thịnh Thị Lan B có trách nhiệm trả cho ông Thịnh Văn A và bà Trần Thị H số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ) đồng.

"Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác".

2/**Về án phí**: căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Thịnh Thị Lan B phải nộp 42.000.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm. Ông Thịnh Văn A được nhận lại số tiền 30.000.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001400 ngày 19/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo L.

3/ Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày 05/4/2024 để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự."

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Phạm Đức Minh Nguyễn Thị Tài	**Vũ Thị Thúy Thành**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo L;
- Chi cục THADS huyện Bảo L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thúy Thành